TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC THUỶ** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 01/4/2024
V/v tranh chấp thừa kế;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THUỶ, TỈNH HOÀ BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Hữu Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Vũ Xuân H2, Lê Đắc Tỵ.

Ghi biên bản phiên toà: Bùi Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án huyện Lạc Thuỷ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thuỷ tiến hành tố tụng tại phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Mở phiên toà công khai tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Thuỷ ngày 29/3/2024 và ngày 01/4/2024, xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 02/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 28/12/2023, giữa các đương sự sau:

1/ Nguyên đơn:

- Phan Tuấn H, sinh năm 1958; Địa chỉ: tổ 14, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

- Phan Thị Minh H1, sinh năm 1960; Địa chỉ: tổ 02, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

- Phan Quang H2, sinh năm 1964; Địa chỉ: tổ 05, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

- Phan Minh H3, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ 05, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

2/ Bị đơn: Trần Thị V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Phú Bình, Phú Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình (Có mặt).

3. Người liên quan:

- Uỷ ban nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình Thông qua người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt);

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạc Thủy, Hòa Bình thông qua người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

{1}Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Minh H3, Phan Quang H2 cho rằng:

Ông Phan Quang Vấn , bà Nguyễn Thị Phương là vợ chồng hợp pháp, có với nhau 04 con chung là Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Quang H2, Phan Minh H3. Năm 2004, bà Phương chết. Năm 2006, ông Vấn kết hôn với bà Trần Thị V (Có đăng ký kết hôn). Cuối năm 2009, ông Vấn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại An Phú, Phú Lão, Lạc Thủy, Hòa Bình (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình) và đã đầu tư xây nhà ở, tài sản trên đất. Năm 2012, ông Vấn và bà V ly hôn. Tại Tòa hai bên thống nhất chưa yêu cầu Tòa án phân chia tài sản, để hai người tự thỏa thuận phân chia. Trên cơ sở đó, Tòa án đã giải quyết cho ông Vấn ly hôn với bà V và chưa giải quyết phân chia tài sản.

Ngày 15/9/2013, ông Phan Quang Vấn chết (Trước khi chết chưa phân chia tài sản với bà V và không có di chúc phân chia thừa kế). Do vậy, đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 (Nay là thửa đất 247 tờ bản đồ 47) nêu trên là di sản thừa kế của ông Vấn để lại, không pH2 tài sản của bà V. Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Vấn (04 người con của ông Vấn là H, H1, H2, H3) và buộc bà V trả lại toàn bộ thửa đất, nhà ở, công trình kiến trúc và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên để chia thừa kế theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn tự nguyên yêu cầu Tòa án chia cho bà phần đất có nhà, với diện tích 184 m2 (Đất ở nông thôn – ONT); bà Vình có quyền sử dụng 184 m2 đất (ONT) đó cùng với nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với phần đất được chia và không yêu cầu bà V thanh toán bất kỳ khoản tiền gì. Đối với 164,9 m2 đất còn lại sau khi chia cho bà V (Trong đó có 146 m2 đất ở nông thôn – ONT), đề nghị xác định đây là di sản thừa kế của ông Phan Quang Vấn để lại để chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người con của ông Vấn. Đồng thời thống nhất trí thỏa thuận chia cho ông Phan Tuấn H sử dụng toàn bộ 169,4 m2 đất đó; ông H có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và có nghĩa vụ thanh toán cho bà H1, ông H2, ông H3 mỗi người 156.000.000 đồng; không yêu cầu ông H thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gì cho các em.

{2} Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị V cho rằng tiền bỏ ra mua thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại An Phú, Phú Lão, Lạc Thủy, Hòa Bình (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 tại Phú Bình, Phú Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình) và xây dựng nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản trên đất là tiền của cá nhân bà, không liên quan đến ông Vấn; đất đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ghi danh cá nhân (Trần Thị V), do đó đây là tài sản riêng của bà. Quan điểm của bà V là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

{3}Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điều 27; điều 32 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các điều 26, 28, 35, 157, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Các điều 167, 195 Luật đất đai,

Đề nghị tuyên xử như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Quang H2, Phan Minh H3. Xác định thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 thôn An Phú, xã Phú Lão (Nay là thửa đất số 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa), Lạc Thủy, Hòa Bình với tổng diện tích đất là 348,9m2 là tài sản chung của ông Phan Quang Vấn, bà Trần Thị V.

- Chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn tại phiên tòa, theo đó chia cho bà Trần Thị V phần đất có nhà với tổng diện tích 184 m2 (Đất ONT); bà V có quyền sở hữu đối với nhà ở, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với 184 m2 đất được chia.

- Sau khi chia tài sản chung cho bà V, đề nghị Tòa án xác định 164,9 m2 đất còn lại là di sản thừa kế của ông Phan Quang Vấn để lại;

- Đề nghị xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Quang Vấn là 04 người con chung của ông Vấn với bà Nguyễn Thị Phương (Gồm: Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Quang H2, Phan Minh H3);

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Phan Tuấn H, bà Phan Thị Minh H1, ông Phan Quang H2, ông Phan Minh H3, theo đó giao cho ông Phan Tuấn H sử dụng toàn bộ 164,9 m2 đất còn lại (Sau khi đã chia cho bà V); ông H được quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản trên đất được chia và có nghĩa vụ thanh toán cho bà H1, ông H2, ông H3 mỗi người 156.000.000 đồng.

- Đề nghị Tòa án kiến nghị với UBND huyện, Cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho bà Trần Thị V, cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho phù hợp với phán quyết của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng công khai, thấy rằng:

{4}Về tố tụng: UBND huyện Lạc Thủy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạc Thủy vắng mặt tại phiên tòa hai lần, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các cơ quan này.

*Về nội dung:

{5}Trong đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, các nguyên đơn cho rằng ông Phan Quang Vấn là người mua đất của bà Quách Thị Huệ và đầu tư xây nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản trên đất, nên đề nghị xác định đây là tài sản của ông Vấn; do ông Vấn đã chết nên trở thành di sản thừa kế. Tuy nhiên, các nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng minh đây là tài sản riêng của ông Vấn, nên không có căn cứ xác định như đương sự yêu cầu.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn tự nguyện đề nghị Tòa xác định thửa đất 173 tờ bản đồ số 4 thôn An Phú, Phú Lão (Nay thửa số 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa), Lạc Thủy, Hòa Bình là tài sản chung của ông Vấn, bà V. Quan điểm này có cơ sở để chấp nhận.

{6}Bị đơn Trần Thị V cho rằng thửa đất 173 tại An Phú, Phú Lão (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa), Lạc Thủy, Hòa Bình là tài sản riêng của bà, bởi được mua bằng tiền của cá nhân bà V; đã được UBND huyện Lạc Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi danh cá nhân (Trần Thị V). Bà V còn cho rằng bà bỏ tiền của cá nhân để xây nhà ở, công trình kiến trúc và tài sản trên đất, nên đây cũng là tài sản riêng. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

{6.1} Bà Trần Thị V cho rằng bà trực tiếp mua bán đất với bà Quách Thị Huệ. Các con của bà Huệ (Trong đó có bà Bùi Thị Châu Loan) không liên quan và cũng không tham gia vào việc mua bán này. Khẳng định bà là người trực tiếp và duy nhất trả tiền cho bên bán; trả một lần đủ 139.000.000 đồng. Khi mua đất ông Vấn không biết gì, nên không tham gia.

Kết quả xác minh của Tòa án đối với nội dung này như sau:

- Bà Quách Thị Huệ khẳng định do bà già cả, nên đã ủy quyền cho con gái là Bùi Thị Châu Loan đại diện thực hiện giao dịch mua bán đất với bên mua, bà Huệ chỉ ký văn bản để đảm bảo thủ tục. Bà Bùi Thị Châu Loan cũng khẳng định chính bà là người đại diện cho mẹ (Bà Huệ) thực hiện các giao dịch mua bán đất với gia đình bà V. Những người này cũng xác định ông Phan Quang Vấn và bà Trần Thị V là người mua đất. Khi thỏa thuận mua bán có cả ông Vấn, bà V cùng tham gia. Hai bên chốt giá mua bán là 139.000.000 đồng; Theo thỏa thuận, bên mua trả trước cho bên bán 133.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng khi nào hoàn thiện thủ tục sẽ trả nốt. Thực hiện thỏa thuận đó, hai vợ chồng ông Vấn, bà V trả trước 133.000.000

đồng; còn lại 6.000.000 đồng, bà V trả nốt sau khi hoàn thiện thủ tục mua bán; không có chuyện một mình bà V mua đất, trả tiền.

- Ông Bùi Văn Châu, bà Bùi Thị Hồng Dung (Các con của bà Huệ) cũng xác nhận bản thân được biết việc mua bán và khai tương tự như bà Huệ, bà Loan.

{6.2}Quá trình thu thập chứng cứ, bà V nộp cho Tòa án giấy viết tay có tiêu đề **"An phú ngày 20/8/2009 âm lịch - Giấy biên nhận mua bán đất thổ cư"** trong đó bà V viết bản thân mua đất của bà Quách Thị Huệ với số tiền 139.000.000 đồng; bà V đã trả đủ tiền. Trong giấy có chữ ký của bà V, bà Quách Thị Huệ và 03 người làm chứng là Trần Thị Nhớn (Em gái ruột bà V), bà Trịnh Thị Lan (Người cùng thôn), bà Bùi Thị Hồng Dung (Con gái bà Quách Thị Huệ). Bà V khẳng định giấy này là giấy được viết một lần duy nhất; Giấy được viết, được người bán và mọi người có tên nêu trên ký làm chứng ngay tại thời điểm mua bán đất (Ngày 20/8/2009 âm lịch), do đó đây là chứng cứ chứng minh bà V dùng tiền của cá nhân để mua đất.

Về nội dung này, Tòa án tiến hành xác minh, kết quả như sau:

- Bà Quách Thị Huệ (Người có đất chuyển nhượng), bà Bùi Thị Châu Loan (Con gái bà Huệ, đại diện cho bà Huệ thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất) khẳng định người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hai vợ chồng ông Phan Quang Vấn, bà Trần Thị V chứ không pH2 một mình bà V như bà V khai. Khẳng định thời điểm chuyển nhượng (Năm 2009), cả ông Vấn và bà V cùng ký tên vào hợp đồng viết tay lập giữa hai bên. Khẳng định văn bản ghi **"An phú ngày 20/8/2009 âm lịch - Giấy biên nhận mua bán đất thổ cư"** bà V nộp Tòa không pH2 văn bản được viết năm 2009 (Khi chuyển nhượng đất). Giấy này bà V mới viết lại (Khi đã có tranh chấp với các con của ông Vấn) và nhờ mọi người ký hộ; khi nhờ ký, bà V dấu diếm mục đích nên mọi người không biết đã ký hộ.

- Bà Bùi Thị Hồng Dung cũng xác nhận nội dung này đúng như bà Huệ, bà Loan chung cấp.

- Bà Trịnh Thị Lan khẳng định văn bản ghi **"An phú ngày 20/8/2009 âm lịch - Giấy biên nhận mua bán đất thổ cư"** bà V nộp Tòa bà mới ký lại cho bà V năm 2021 (Khi đó đã có tranh chấp với các con của ông Vấn nH bản thân bà không biết); khi nhờ ký, bà V chỉ nói ký để xác nhận hộ giáp ranh không có tranh chấp. Do tin tưởng bà V nên bà Lan ký hộ.

- Bà Trần Thị Nhớn (Em gái bà V) khẳng định bản thân không được chứng kiến việc thỏa thuận; không được chứng kiến, hoặc ký làm chứng vào hợp đồng mua bán đất giữa bà Huệ với gia đình bà V; bà chưa bao giờ được xem hợp đồng nên không biết hình thức và nội dung của hợp đồng như thế nào. Bà Nhớn xác định

thỉnh thoảng bà V có đưa giấy tờ nhờ bà ký hộ. Do là chị em ruột nên bà Nhớn tin tưởng, ký hộ mà không đọc để xem nội dung giấy viết những gì.

Tại phiên tòa, sau khi Chủ tọa công bố lời khai của bà V, của những người làm chứng nêu trên, bà Trần Thị V thừa nhận văn bản ghi **"An phú ngày 20/8/2009 âm lịch - Giấy biên nhận mua bán đất thổ cư"** bà nộp Tòa mới được viết lại gần đây; không pH2 giấy viết tại thời điểm mua bán năm 2009 như bà cam đoan trước đây. Bà V biện luận rằng năm 2009, đúng là bên bán và bên mua có lập Giấy mua bán viết tay với nhau, bà V có được giữ giấy đó nH do sơ suất đã làm mất, nên bà mới viết lại và nhờ mọi người ký hộ, nộp cho Tòa án.

{6.3}Bà V cho rằng khi làm nhà, bà giấu nên ông vấn không biết gì; chỉ khi làm xong nhà bà V mới đón ông vấn về ở, nên tiền làm nhà là của một mình bà, không liên quan đến ông Vấn.

Kết quả xác minh của Tòa án đối với nội dung này như sau:

- Bà Quách Thị Huệ và các con (Bùi Thị Hồng Dung, Bùi Thị Châu Loan, Bùi Văn Châu) khẳng định sau khi mua đất vợ chồng bà V xây nhà. Quá trình làm nhà, ông Phan Quang Vấn thường xuyên có mặt để trông coi và nói chuyện với mọi người rằng ông Vấn đưa tiền cho bà V mua đất, xây nhà.

{6.4} Xét năm 2012, khi ông Vấn làm đơn xin ly hôn với bà V tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, ông Vấn đã yêu cầu Tòa án xác định đất mua của bà Quách Thị Huệ, nhà xây, các tài sản khác trên đất đó là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Quá trình làm việc tại Tòa án (Trong biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải), bà Trần Thị V không phản biện, không khẳng định đó là tài sản riêng của mình mà thống nhất với ông Vấn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai vợ chồng tự thỏa thuận chia tài sản chung với nhau. Trên cơ sở đề nghị của hai bên, Bản án ly hôn sơ thẩm số 01/2012/DSST về việc ly hôn ngày 26/4/2012 của Tòa án huyện Lạc Thủy đã giải quyết cho vợ chồng ly hôn; nhận định: về tài sản chung các đương sự xin tự thỏa thuận nên chưa đề cập. Bà V không kháng cáo bản án này.

{7} Xét thấy, thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa), Lạc Thủy, Hòa Bình cùng với nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với đất nêu trên là tài sản được mua, hình thành trong thời kỳ hôn nhân; Bà V không suất trình được văn bản thỏa thuận (Giữa bà Và ông Vấn) đó là tài sản riêng của bà và cũng không chứng minh được đó là tài sản riêng. Tại Tòa, bà V khẳng định giữa bà và ông Phan Quang Vấn chưa bao giờ thỏa thuận, chưa bao giờ lập văn bản để xác định đất, nhà ở, tài sản trên đất tranh chấp là tài sản riêng của bà V. Mặt khác tài liệu, chứng cứ bà V giao nộp không phản

ánh đúng bản chất của sự việc; người ký làm chứng trong văn bản phản đối và không công nhận nội dung đã làm chứng, nên không có giá trị để xem xét.

{8}Như vậy có cơ sở để xác định đất, nhà, tài sản trên thửa đất số 173 tờ bản đồ số 04 tại thôn An Phú, Phú lão, Lạc Thủy, Hòa Bình (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình) là tài sản chung của ông Phan Quang Vấn, bà Trần Thị V. Ông Vấn đã chết nH tài sản chung chưa chia, nên việc các con của ông Vấn yêu cầu chia làm căn cứ giải quyết quyền thừa kế là có căn cứ, cần chấp nhận.

{9} Sau khi chia tài sản chung cho bà Trần Thị V, phần tài sản còn lại là di sản của ông Phan Quang Vấn để lại.

{10} Năm 2012, bà Trần Thị V ly hôn với ông Phan Quang Vấn (Bản án ly hôn đã có hiệu lực pháp luật). Đến ngày 15/9/2013, ông Vấn chết không để lại di chúc phân chia di sản. Căn cứ các điều 611, 650, 651 của Bộ Luật dân sự, Tòa chia thừa kế theo pháp luật; xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 15/9/2013. Ông Phan Quang Vấn không còn cha mẹ, không có vợ, có 04 người con là Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Minh Minh H3, Phan Quang H2 (Ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác), nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Vấn là 04 người con có tên nêu trên. Việc các nguyên đơn H, H1, H3, H2 yêu cầu chia thừa kế cho họ là có căn cứ.

{11} Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 do UBND huyện Lạc Thủy cấp ngày 28/01/2010 ghi thửa 173 tờ bản đồ 04 tại An Phú, Phú Lão (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 tại Phú Bình, Phú Nghĩa), Lạc Thủy, Hòa Bình có diện tích 330 m2. Qua thẩm định, xem xét tại chỗ, diện tích thực tế là 348,9 m2. Kết quả xác minh làm rõ sự sai lệch này xuất phát từ phương pháp kỹ thuật, công nghệ đo đạc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm cấp Giấy; thực tế gia đình bà V vẫn quản lý đất đúng với hiện trạng khi nhận chuyển nhượng; các hộ liền kề trong đó có bên chuyển nhượng đất (Hộ bà Quách Thị Huệ) cũng xác nhận điều này, không có ai tranh chấp, nên có cơ sở xác định 348,9 m2 đất thực tế là tài sản chung của ông Phan Quang Vấn, bà Trần Thị V.

{12}Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn tự nguyện đề nghị Tòa án chia cho bà Trần Thị V phần đất có nhà, với tổng diện tích 184 m2 (Đất ONT); bà V có quyền sở hữu đối với nhà ở, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với 184 m2 đất được chia. Sau khi chia tài sản chung cho bà V, diện tích 164,9 m2 đất còn lại đề nghị Tòa xác định đó là di sản thừa kế của ông Phan Quang Vấn để lại. Quan điểm này phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

{13} Tại phiên tòa, ông Phan Tuấn H, bà Phan Thị Minh H1, ông Phan Quang H2, ông Phan Minh H3 tự nguyện không yêu cầu bà Trần Thị V thanh toán giá trị

trênh lệch của tài sản được chia. Các đương sự này cũng tự nguyện đề nghị Tòa án giao cho ông Phan Tuấn H sử dụng toàn bộ phần đất còn lại sau khi đã chia cho bà Trần Thị V, với tổng diện tích là 164,9 m2; ông H được quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản trên đất được chia và thanh toán cho bà H1, ông H2, ông H3 mỗi người 156.000.000 đồng; ngoài ra ông H không pH2 thanh toán thêm bất kỳ khoản nào khác. Sự tự nguyện của đương sự phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

{14} Để đảm bảo tính chính xác và hiệu lực thi hành của bản án, cần kiến nghị với UBND huyện, Cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị V; cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho phù hợp với phán quyết của Tòa án.

{15}Ông Phan Tuấn H, bà Phan Thị Minh H1, bà Trần Thị V là người cao tuổi (Trên 60 tuổi). Ông Phan Minh H3, ông Phan Quang H2 là hộ nghèo của địa phương, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

{16}Nguyên đơn đã tự nộp chi phí tố tụng khác, nay không yêu cầu Tòa án xem xét lại. Sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Áp dụng điều 27; điều 32 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các điều 26, 28, 35, 157, 165, 166, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Các điều 167, 195 Luật đất đai; điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử như sau:

1/ Xác định 348,9 m2 đất thuộc thửa 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão, Lạc Thủy, Hòa Bình (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này là tài sản chung của ông Phan Quang Vấn và bà Trần Thị V.

2/ Nay chia cho bà Trần Thị V phần đất có nhà, với tổng diện tích 184 m2 đất ở nông thôn - ONT (Trong đó chiều ngang phía trước giáp đường một chiều vào Chùa Tiên, chiều ngang phía sau giáp hộ liền kề; chiều dọc một bên tiếp giáp hộ liền kề, một bên tiếp giáp phần đất chia cho ông Phan Tuấn H). Bà Trần Thị V có quyền sở hữu đối với nhà ở, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với 184 m2 đất được chia (Tổng giá trị là 1.267.587.700 đồng). Bà V không pH2 thanh toán tiền trênh lệch giá trị tài sản được chia cho các ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Quang H2, Phan Minh H3.

Việc chia đất, công trình kiến trúc trên đất cho bà Trần Thị V có phụ lục đính kèm theo bản án này.

3/ Xác định phần tài sản còn lại sau khi đã chia cho bà Trần Thị V là di sản do ông Phan Quang vấn để lại, gồm: 164,9 m2 đất, công trình kiến trúc, tài sản trên đất đó (Tổng giá trị là 874.316.357 đồng).

- Chấp nhận sự tự nguyện của các ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Minh H3, Phan Quang H2. Giao cho ông Phan Tuấn H sử dụng toàn bộ phần đất còn lại (Sau khi đã chia cho bà Trần Thị V), với tổng diện tích là 164,9 m2 (Trong đó có 146 m2 đất ở nông thôn – ONT. Chiều ngang phía trước giáp đường một chiều vào Chùa Tiên, chiều ngang phía sau tiếp giáp hộ liền kề; chiều dọc một bên tiếp giáp với phần đất chia cho bà Trần Thị V, một bên tiếp giáp hộ liền kề).

Ông H được quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản trên 164,9 m2 đất được chia và pH2 thanh toán cho bà Phan Thị Minh H1 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng); thanh toán cho ông Phan Quang H2 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng); thanh toán cho ông Phan Minh H3 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Việc chia đất, công trình kiến trúc trên đất cho ông Phan Tuấn H có phụ lục đính kèm theo bản án này.

4/ Kiến nghị với UBND huyện Lạc Thủy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạc Thủy, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 ngày 28/01/2010 đã cấp cho bà Trần Thị V; Cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho đối tượng phù hợp với phán quyết của Tòa án.

5/ Các đương sự Phan Tuấn H, Phan Thị Minh H1, Phan Quang H2, Phan Minh H3, Trần Thị V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Tuấn H được trả lại 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 000186 ngày 27/7/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

6/ Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng khác. Xác nhận nguyên đơn đã tự nộp đủ, nay không pH2 nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận kết quả xét xử hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hòa Bình*;
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh HB;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND phường, xã nơi ĐS cư trú;*
- *UBND phường, xã nơi có di sản;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Chủ Tọa phiên tòa

- Đương sự;
- Lưu HS + VT + LT.